

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2018/DS-PT

Ngày 05 - 3 - 2018

V/v kiện đòi tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trung Vân;

Các Thẩm phán: Ông Lộc Sơn Thái;

Ông Phạm Văn Tuệ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Tạ Thị Hồng Trâm – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Tuấn Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2018/TLPT-DS ngày 04/01/2018 về việc tranh chấp kiện đòi tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2017/DS-ST ngày 20 tháng 11 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 14/2018/QĐ-PT ngày 19 tháng 01 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Tàng Văn M; cư trú tại: Số nhà 158, khu C, thị trấn L, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt;

Người đại diện hợp pháp của anh Tàng Văn M: Ông Tàng Việt C; cư trú tại: Thôn B, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 28/8/2018); có mặt.

- Bị đơn: Ông Nông Văn B; cư trú tại: Thôn B1, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân (UBND) xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

Người đại diện hợp pháp của UBND xã T: Ông Lành Duy L, là người đại diện theo pháp luật (Chủ tịch UBND xã T); vắng mặt.

2. Bộ chỉ huy B tỉnh Lạng Sơn;

Người đại diện hợp pháp của Bộ chỉ huy B tỉnh Lạng Sơn: Ông Phạm Văn T; nhân viên Đồn B, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 18/5/2017); vắng mặt.

3. Ông Đinh Văn Đ;

4. Anh Bế Văn H;

Cùng cư trú tại: Thôn B, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; đều vắng mặt.

5. Ông Tàng Văn L;

6. Ông Ma Văn T;

Cùng cư trú tại: Thôn B1, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; đều vắng mặt.

7. Ông Tàng Việt C; cư trú tại: Thôn B, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt

8. Anh Ma Văn Đ; vắng mặt.

9. Anh Tàng Văn C1; có mặt.

10. Ông Lành Văn T (đã chết);

Người thừa kế quyền nghĩa vụ tố tụng của ông Lành Văn T: Anh Lành Văn M; vắng mặt.

11. Ông Trần Văn T; vắng mặt.

12. Ông Hoàng Văn L; vắng mặt.

13. Ông Trần Văn K; vắng mặt.

14. Ông Tàng Văn T; vắng mặt.

15. Ông Lý Văn An; vắng mặt.

16. Ông Hoàng Văn S; vắng mặt.

17. Ông Trần Văn N; vắng mặt.

18. Ông Mai Văn M; vắng mặt.

19. Ông Ma Văn L; vắng mặt.

20. Ông Nông Văn Đ; vắng mặt.

21. Ông Nông Văn S (đã chết);

Người thừa kế quyền nghĩa vụ tố tụng của ông Nông Văn S: Anh Nông Văn H; vắng mặt.

22. Ông Nông Văn H1; vắng mặt.

23. Ông Nông Văn L; vắng mặt.

24. Ông Mai Văn T; vắng mặt.

25. Ông Hoàng Văn M; vắng mặt .
26. Ông Lý Văn P; vắng mặt.
27. Ông Hoàng Văn C; vắng mặt.
28. Ông Lý Văn C; vắng mặt .
29. Ông Lý Văn C2; vắng mặt .
30. Ông Hoàng Văn G (đã chết);
- Người thừa kế quyền nghĩa vụ tố tụng của ông Hoàng Văn G: Bà Lành Thị C;*
vắng mặt.
31. Ông Phan Văn C (đã chết);
- Người thừa kế quyền nghĩa vụ tố tụng của ông Phan Văn C: Bà Vi Thị S;*
vắng mặt.
32. Ông Lành Văn H; vắng mặt;
33. Ông Triệu Văn T; vắng mặt;
34. Bà Hoàng Thị C; vắng mặt;
35. Ông Hoàng Văn T; vắng mặt.
36. Ông Lành Văn L; vắng mặt;
37. Ông Hoàng Văn K; vắng mặt;
38. Ông Trần Văn L; vắng mặt;
39. Ông Trần Văn B (đã chết);
- Người thừa kế quyền nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Văn B: Anh Trần Văn T;*
vắng mặt.
- Cùng cư trú tại: Thôn B1, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn.
- *Người kháng cáo:* Ông Nông Văn B là bị đơn.
 - *Viện Kiểm sát kháng nghị:* Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn anh Tàng Văn M trình bày: Năm 2010, ông có ký Hợp đồng khai thác nhựa thông tại khu đồi V, thuộc thôn B1, xã T với 31 hộ dân xóm C1, thôn B1, xã T, huyện L; rừng thông trên do 31 hộ dân xóm C1 trồng và quản lý, thời hạn khai thác là 03 năm với số tiền 1.000.000.000đồng và chia ra thanh toán 02 lần. Ngày 22/12/2010 ông đã giao số tiền lần thứ nhất là 500.000.000đồng cho 31 hộ dân xóm C1 và khai thác nhựa thông từ tháng 01/2011 đến tháng 4/2011 thì phải dừng lại do có sự tranh chấp giữa xóm C1 và xóm C2, xóm C2. Do dân xóm C1 yêu cầu, UBND xã T tổ chức hòa giải thống nhất ông nộp thêm 490.900.000đồng cho thôn B1 làm quỹ của thôn (sau khi đã trừ các chi phí đền bù thiệt hại do xóm C2 và xóm C2 đã phá hỏng túi

khai thác nhựa thông của ông số tiền là 9.100.000đồng). Ông Nông Văn B đại diện thôn nhận và giao cho thủ quỹ UBND xã T giữ hộ có sự chứng kiến và xác nhận của ông Đinh Văn Đ, Chủ tịch UBND xã T. Ông tiếp tục được khai thác nhựa thông từ tháng 01/2012 đến ngày 17/4/2012 thì nhân dân xóm C1, thôn B1 lại phá túi khai thác nhựa thông, không cho ông khai thác với lý do họ chưa được nhận 500.000.000đồng lần thứ hai. Ông đã làm đơn yêu cầu ông Nông Văn B và UBND xã T phải trả lại cho ông số tiền 490.900.000đồng, nhưng ông chỉ được trả 310.900.000đồng, còn số tiền 180.000.000đồng ông chưa được trả. Nay ông khởi kiện yêu cầu ông Nông Văn B và UBND xã T phải trả lại cho ông số tiền 180.000.000đồng.

Bị đơn ông Nông Văn B: Thừa nhận anh Tăng Văn M có được ký Hợp đồng khai thác nhựa thông với nhân dân xóm C1; thừa nhận việc anh Tăng Văn M đã giao tiền thanh toán và việc hòa giải của UBND xã T như anh Tăng Văn M đã trình bày. Nhưng ông Nông Văn B cho rằng anh Bé Văn H là thủ quỹ của UBND xã T nhận số tiền 490.900.000đồng với anh Tăng Văn M và phía thôn B1 có ông và ông Tăng Văn C1 là người chứng kiến việc giao tiền, ông không được nhận tiền của anh Tăng Văn M. Sau đó việc ông nhận lấy tiền với thủ quỹ UBND xã T để xây dựng nhà văn hóa thôn B1 cũng phải được sự nhất trí của UBND xã T. Sau khi ông và tập thể thôn B1 họp và thống nhất sử dụng số tiền 180.000.000đồng để xây dựng nhà văn hóa thôn B1 (mua đất hết 80.000.000 đồng; mua vật liệu hết 100.000.000 đồng); ông chỉ là người cầm sổ đi ghi chép các chi phí xây nhà văn hóa chứ thực tế ông không được cầm tiền chi trực tiếp và không được sử dụng số tiền trên vào mục đích cá nhân. Ông không đồng ý với yêu cầu của anh Tăng Văn M; anh Tăng Văn M phải khởi kiện 31 hộ dân xóm C1 mới đúng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Đinh Văn Đ trình bày: Việc anh Tăng Văn M hợp đồng khai thác nhựa thông không thông qua UBND xã T. Khi xảy ra tranh chấp, tập thể xóm C1 có đơn đề nghị UBND xã T giải quyết tranh chấp, thì UBND xã T mới tổ chức hòa giải. Tại biên bản hòa giải ngày 13/4/2011 đã thống nhất 500.000.000đồng anh Tăng Văn M giao lần thứ nhất các hộ dân xóm C1 được chia nhau, còn 500.000.000đồng (số tiền nộp thực tế là 490.900.000đồng) anh Tăng Văn M giao lần thứ hai để làm quỹ thôn B1 và thống nhất gửi vào thủ quỹ của UBND xã T giữ hộ. Việc tập thể thôn B1 đề xuất sử dụng số tiền quỹ thôn có được từ hợp đồng khai thác nhựa thông ở đồi V để xây dựng nhà văn hóa thôn, UBND xã T thấy đây là mục đích chính đáng do vậy đã nhất trí. Trong vụ việc này anh Tăng Văn M cũng có lỗi vì Hợp đồng khai thác nhựa thông với thôn B1 không thông qua chính quyền xã gây mất trật tự trị an ở địa phương. Anh Tăng Văn M khởi kiện ông Nông Văn B không đúng mà phải khởi kiện cả tập thể thôn B1 mới đúng. Ông và UBND xã T không có quyền lợi, nghĩa vụ gì liên quan đến vụ án.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Lành Văn M; ông Hoàng Văn L; ông Trần Văn K; ông Tăng Văn T; ông Lý Văn An; ông Hoàng Văn S; ông Trần Văn N; ông Mai Văn T; ông Hoàng Văn M; ông Lý Văn P; ông Hoàng Văn C; ông Lý Văn C; ông Lý Văn C2; bà Lành Thị C; bà Vi Thị

S; ông Lành Văn H; ông Triệu Văn T; ông Hoàng Văn T; ông Hoàng Văn K; ông Trần Văn L, anh Trần Văn T đều cho rằng 31 hộ dân xóm C1 đã được nhận 500.000.000đồng ông Tàng Văn M giao lần thứ nhất theo hợp đồng, chia nhau được mỗi người 16.128.000 đồng và đã sử dụng chi tiêu cho gia đình hết, nay không nhất trí trả lại tiền cho anh Tàng Văn M vì anh Tàng Văn M đã khai thác nhựa thông được 01 năm. Việc anh Tàng Văn M gửi số tiền 500.000.000đồng lần thứ hai vào UBND xã T để được tiếp tục khai thác nhựa thông thì chỉ có một số người được UBND xã triệu tập hòa giải biết. Số hộ còn lại họ không biết và không nhất trí số tiền anh Tàng Văn M nộp lần thứ hai để làm quỹ chung của thôn B1 nên không cho anh Tàng Văn M tiếp tục khai thác nhựa thông; việc xây nhà văn hóa thôn B1 cũng do một số cán bộ thôn và xã tự thống nhất bằng miệng chứ không có văn bản, nên ai gây ra thì người đó phải trả tiền cho anh Tàng Văn M.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Văn T, ông Mai Văn M, anh Nông Văn H, ông Nông Văn H1, ông Nông Văn L, bà Hoàng Thị C, ông Lành Văn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để lấy lời khai nhiều lần nhưng không hợp tác, không có mặt theo giấy triệu tập.

UBND xã T do ông Lành Duy L đại diện trình bày: Việc khai thác nhựa thông và ký hợp đồng giữa anh Tàng Văn M và các hộ dân xóm C1 không đúng trình tự pháp luật vì không có xác nhận của chính quyền địa phương. Buổi hòa giải ngày 13/4/2011, ông không có mặt nên ông không được biết về nội dung biên bản hòa giải. Việc giao nhận tiền giữa anh Tàng Văn M với ông Nông Văn B tại UBND xã T ngày 07/11/2011 theo ông được biết là số tiền để chi trả theo hợp đồng mà anh Tàng Văn M đã ký kết với các hộ dân xóm C1, thôn B1 mà ông Nông Văn B là trưởng thôn B1 ký nhận và gửi vào thủ quỹ của UBND xã giữ hộ. Số tiền đó là tiền quỹ chung của thôn B1, thôn B1 sử dụng số tiền trên để xây nhà văn hóa thôn là do thôn B1 tự quyết định. UBND xã T không có quyền sử dụng số tiền của anh Tàng Văn M gửi cho thủ quỹ UBND xã vào công việc khác. UBND xã T cũng không có chủ trương tạm thu số tiền của hợp đồng khai thác nhựa thông mà các bên đã ký kết. Đề nghị anh Tàng Văn M và các hộ dân trong thôn B1 thỏa thuận cho phù hợp với pháp luật.

Bộ chỉ huy B do ông Phạm Văn T làm đại diện trình bày: Năm 1998, Trưởng thôn B1, xã T là ông Lành Văn T có nhận giao khoán trồng mới rừng phòng hộ với diện tích là 11,6ha (theo dự án 327) và năm 1999 nhận giao khoán diện tích là 6,5ha (theo dự án 661) tại đồi V, thôn B1, xã T, huyện L để tập thể xóm C1 trồng thông. Các hộ dân trong xóm C1 được cấp cây giống, được hưởng tiền công trồng, công chăm sóc và bảo vệ, người trực tiếp nhận là Trưởng thôn Lành Văn T, Trần Văn K, Nông Văn B đại diện nhận. Các hộ dân trong xóm C1 tham gia trồng thông được khai thác lâm sản phụ bao gồm cả nhựa thông khi cây đủ 15 tuổi trở lên. Hiện nay Hợp đồng số 65/HĐKT ngày 20/3/1999 và Hợp đồng số 101/HĐ ngày 15/02/1998 chưa bàn giao thanh lý, nhưng toàn bộ cây thông trên diện tích đất 18,1 ha là do những hộ dân tham gia trồng thông sở hữu, có trách nhiệm quản lý, chăm sóc cây theo hợp đồng và có quyền sở

hữu toàn bộ cây thông trên đất vì mục đích của dự án là phát triển rừng trồng tại địa phương, Bộ chỉ huy B là chủ đầu tư, tuyên truyền, khuyến khích người dân trồng rừng, nguồn tiền đầu tư là do ngân sách nhà nước cấp, dự án 327, 661 không phải vì mục đích đầu tư cho người dân trồng thông để Bộ chỉ huy B sở hữu cây và thu lợi nhuận. Trong vụ án này 31 hộ dân ở xóm C1 có quyền hợp đồng khai thác nhựa thông và được hưởng số tiền có được từ hợp đồng, đối với việc 31 hộ dân này đã hợp đồng khai thác nhựa thông từ năm 2011 khi cây thông chưa đủ tuổi khai thác chỉ có thể tuyên truyền để người dân hiểu là khai thác sớm sẽ ảnh hưởng đến cây. Ngoài ra không có chế tài gì khác, việc người dân khai thác cây thông chưa đủ tuổi không ảnh hưởng đến quyền sở hữu số tiền có được từ hợp đồng khai thác nhựa thông. Việc thôn B1 và UBND xã T sử dụng 180.000.000đồng để xây nhà văn hóa thôn là hợp pháp. Theo ông hướng giải quyết cho vụ án là cho anh Tàng Văn M và 31 hộ dân xóm C1 tiếp tục thực hiện hợp đồng khai thác nhựa thông cho đến khi hết thời hạn trong hợp đồng và tuyên truyền, vận động người dân trích một phần tiền có từ hợp đồng để xây dựng các công trình vì mục đích tập thể phục vụ bà con trong thôn, xã. Bộ chỉ huy B tỉnh Lạng Sơn không có yêu cầu gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Tàng Việt C: Nhất trí với yêu cầu của anh Tàng Văn M; yêu cầu ông Nông Văn B và UBND xã T trả lại số tiền 180.000.000đồng cho anh Tàng Văn M.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 15/2017/DS-ST ngày 20/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình đã quyết định:

1. Về trách nhiệm dân sự: Buộc ông Nông Văn B phải có trách nhiệm thanh toán trả cho anh Tàng Văn M số tiền 180.000.000đồng (một trăm tám mươi triệu đồng).

2. Về án phí: Ông Nông Văn B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 9.000.000đồng (chín triệu đồng). Hoàn trả lại cho anh Tàng Văn M số tiền tạm ứng án phí 4.500.000đồng (bốn triệu năm trăm nghìn đồng).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ chịu lãi suất nếu chậm thi hành án.

Ngày 29/11/2017 ông Nông Văn B kháng cáo không đồng ý trả cho anh Tàng Văn M số tiền 180.000.000đồng; không đồng ý chịu án phí với lý do số tiền trên do cả thôn B1 dùng để xây nhà văn hóa thôn, không phải dùng cho cá nhân ông.

Tại Quyết định kháng nghị số: 01/QĐKNPT-VKS-DS ngày 20/12/2017, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn đề nghị xử hủy bản án sơ thẩm vì các lý do: Bản án sơ thẩm buộc một mình ông Nông Văn B phải có trách nhiệm trả cho anh Tàng Văn M số tiền 180.000.000đồng là không phù hợp; anh Tàng Văn M giao tiền cho thủ quỹ UBND xã T (ông Nông Văn B và ông Tàng Văn C1 chỉ là người chứng kiến); việc xây dựng nhà văn hóa thôn B1 đã được các ban ngành của thôn B1 thống nhất và UBND xã T nhất trí. Do vậy việc sử dụng số tiền chi trả tiền khai thác nhựa thông vào việc xây dựng nhà văn

hóa thôn B1, dẫn đến không còn tiền để trả cho anh Tăng Văn M không chỉ thuộc trách nhiệm của ông Nông Văn B mà còn thuộc trách nhiệm của nhiều người khác, trong đó trách nhiệm chính thuộc về UBND xã T; Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Kiện đòi tài sản” và buộc ông Nông Văn B phải chịu án phí dân sự có giá ngạch là không đúng quy định.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Nông Văn B giữ nguyên kháng cáo; anh Tăng Văn M và ông Tăng Việt C khẳng định chỉ yêu cầu ông Nông Văn B và UBND xã T phải trả số tiền là 180.000.000đồng.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý và tại phiên tòa Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng; các đương sự thực hiện đủ các quyền, nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung: Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh thay đổi một phần nội dung kháng nghị, cụ thể: Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là kiện đòi tài sản; còn các nội dung kháng nghị khác giữ nguyên. Đề nghị hủy bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện L giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn anh Tăng Văn M yêu cầu ông Nông Văn B và UBND xã T trả số tiền 180.000.000đồng. Lý do ngày 07/11/2011 anh đã giao cho thủ quỹ UBND xã T số tiền 490.900.000đồng để thực hiện việc khai thác nhựa thông. Sau đó UBND xã T đã trả cho anh số tiền 310.900.000 đồng, số tiền 180.000.000đồng còn lại chưa trả được là do ông Nông Văn B đã sử dụng xây nhà văn hóa thôn B1. Như vậy, việc anh Tăng Văn M giao tiền cho thủ quỹ của UBND xã T xuất phát từ Hợp đồng khai thác nhựa thông. Tuy nhiên, hợp đồng khai thác nhựa thông là hợp đồng ký kết giữa anh Tăng Văn M và 31 hộ dân xóm C1; việc anh Tăng Văn M giao tiền cho thủ quỹ UBND xã T không phải theo yêu cầu của những người ký hợp đồng và việc sử dụng việc số tiền trên vào việc xây dựng nhà văn hóa thôn B1 không phải ý kiến của các bên tham gia ký kết hợp đồng; nguyên đơn chỉ có yêu cầu duy nhất đòi lại số tiền đã giao cho thủ quỹ UBND xã T ngày 07/11/2011 và trong số tiền đã giao cho UBND xã T thì UBND xã T đã trả lại cho anh Tăng Văn M 310.900.000 đồng; số tiền còn lại là 180.000.000đồng không trả lại được có căn cứ đã dùng để xây dựng nhà văn hóa thôn B1 chứ không phải thanh toán cho các hộ dân xóm C1; giữa anh Tăng Văn M và các hộ dân xóm C1 hiện không tranh chấp về việc tiếp tục thực hiện hợp đồng. Do vậy việc xác định quan hệ tranh chấp là kiện đòi tài sản theo yêu cầu khởi kiện của nguyên

đơn là có căn cứ. Nhận định này cũng phù hợp với ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh.

[3] Việc anh Tăng Văn M nộp số tiền 490.900.000đồng vào thủ quỹ UBND xã T và sử dụng số tiền trên làm quỹ chung của thôn B1 xuất phát từ ý kiến của UBND xã T tại buổi hòa giải ngày 14/3/2011. Trong Biên bản hòa giải ngày 14/3/2011 có nội dung ghi "*cả hai xóm đã thống nhất ở hội trường*"- (bút lục số 32, 33). Tuy nhiên, thành phần tham gia buổi hòa giải về phía dân của hai xóm trong biên bản ghi là có 20 người. Lý do UBND xã chỉ mời một số hộ dân của hai xóm, đặc biệt không mời đầy đủ 31 hộ dân xóm C1 (những người có quyền lợi đối với việc thực hiện hợp đồng khai thác nhựa thông) và các hộ không tham dự hòa giải cũng không có giấy ủy quyền. Như vậy nội dung biên bản hòa giải ghi cả hai xóm thống nhất việc trích 50% số tiền từ hợp đồng khai thác nhựa thông làm quỹ chung của thôn B1 là không đúng với thực tế, ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của các hộ dân. Việc tổ chức hòa giải, đưa ra kết luận không đầy đủ các thành phần người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thuộc trách nhiệm của UBND xã T.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm ông Nông Văn B khẳng định ông không được thông báo cho anh Tăng Văn M nộp tiền vào thủ quỹ của UBND xã T; đồng thời anh Tăng Văn M cũng trình bày, việc anh nộp số tiền 490.900.000đồng vào thủ quỹ UBND xã T là do ông Bé Văn T, Phó Chủ tịch UBND xã, Trưởng Công an xã T thông báo cho anh, không phải do ông Nông Văn B thông báo hoặc yêu cầu; tại giấy biên nhận ngày 07/11/2011, phần ký tên có ghi đại diện người chứng kiến là ông Nông Văn B là đúng với quá trình thực tế như anh Tăng Văn M và ông Nông Văn B trình bày. Giấy biên nhận tiền có xác nhận của ông Đinh Văn Đ, Chủ tịch UBND xã T (bút lục số 11). Như vậy có căn cứ xác định việc anh Tăng Văn M giao tiền cho thủ quỹ UBND xã T là theo thông báo của UBND xã T, ông Nông Văn B chỉ là người chứng kiến. Mặt khác, việc rút số tiền 180.000.000đồng trong số tiền anh Tăng Văn M đã nộp vào quỹ của UBND xã T để xây dựng nhà văn hóa thôn B1 đã được sự nhất trí của UBND xã T (bút lục số 38; 40). Như vậy, có căn cứ xác định số tiền 490.900.000đồng anh Tăng Văn M nộp vào thủ quỹ UBND xã T ngày 07/11/2011 để làm quỹ chung thôn B1 là do ý kiến của UBND xã T. Sau đó việc sử dụng số tiền đó để xây dựng nhà văn hóa thôn B1 có sự nhất trí, đồng thuận của UBND xã T. Do vậy việc sử dụng số tiền anh Tăng Văn M nộp ngày 07/11/2011 để thực hiện hợp đồng khai thác nhựa thông vào việc xây dựng nhà văn hóa thôn B1, dẫn đến không còn tiền để trả cho anh Tăng Văn M có một phần trách nhiệm của UBND xã T;

[5] Thôn B1 bao gồm 04 xóm là C1, C2, C3 và P. Mặc dù, thành phần tham gia buổi hòa giải ngày 14/3/2011 do UBND xã T chủ trì không có đủ các hộ dân của cả 04 xóm; việc đi đến kết luận số tiền 490.900.000đồng anh Tăng Văn M nộp làm quỹ chung của cả thôn B1 chưa có sự nhất trí của toàn thể dân cư của cả 04 xóm. Tuy nhiên như trên đã phân tích số tiền 180.000.000đồng của anh Tăng Văn M đã được sử dụng cho việc xây dựng nhà văn hóa thôn B1. Tại Công văn số 08/UBND ngày 02/3/2018 của UBND xã T và Công văn số 190/UBND-TNMT ngày 05/3/2018 của UBND huyện L đã xác định nhà văn

hóa thôn B1 là tài sản thuộc sở hữu của Cộng đồng dân cư thôn B1, không phải tài sản của cá nhân ông Nông Văn B. Khi xây dựng nhà văn hóa thôn đã có sự đồng thuận của thôn, thể hiện qua việc nhân dân trong thôn đã đóng góp thêm tiền để xây dựng nhà văn hóa. Do vậy xác định Cộng đồng dân cư thôn B1 có trách nhiệm hoàn trả tiền đã dùng để xây dựng nhà văn hóa thôn cho anh Tăng Văn M. Đồng thời như phân tích ở trên, UBND xã T cũng phải chịu trách nhiệm trong việc sử dụng số tiền trên xây dựng nhà văn hóa nên UBND xã T cũng phải liên đới chịu trách nhiệm cùng Cộng đồng dân cư thôn B1 trả số tiền 180.000.000đồng cho anh Tăng Văn M.

[6] Mặt khác, theo Công văn số 08/UBND ngày 02/3/2018 của UBND xã T và Công văn số 190/UBND-TNMT ngày 05/3/2018 của UBND huyện L thì trong nguồn tài chính xây dựng nhà văn hóa thôn B1, ngoài số tiền 180.000.000đồng của anh Tăng Văn M còn có các nguồn kinh phí khác, cụ thể: 25.000.000đồng do UBND huyện L cấp và tiền quỹ, tiền đóng góp của các hộ dân thôn B1.

[7] Từ các phân tích trên cần đưa các hộ dân thôn B1, xã T và UBND huyện L vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Để đảm bảo nguyên tắc hai cấp xét xử, cần hủy bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

[8] Tại cấp phúc thẩm, ngày 27/02/2017 ông Nông Văn B mới có bằng tường trình về các nguồn kinh phí xây dựng nhà văn hóa thôn; mới cung cấp danh sách các hộ dân thôn B1 đóng góp tiền xây dựng nhà văn hóa. Đồng thời ngày 02/3/2018, UBND xã T mới có Công văn số 08/UBND; ngày 05/3/2018, UBND huyện L mới có Công văn số 190/UBND - TNMT. Các tài liệu mới do các đương sự và UBND huyện L cung cấp đã làm rõ về nguồn kinh phí xây dựng và xác định chủ sở hữu nhà văn hóa thôn B1 dẫn đến cần bổ sung người tham gia tố tụng trong vụ án. Đây là tình tiết mới dẫn đến hủy bản án sơ thẩm.

[9] Về án phí: Do cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm nên ông Nông Văn B không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm được xác định khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308; khoản 1 Điều 310; khoản 3 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm án phí và lệ phí Tòa án;

1. Hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2017/DS-ST ngày 20/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, giữa nguyên đơn anh Tăng Văn M và bị đơn ông Nông Văn B về kiện đòi tài sản.

2. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

3. Án phí dân sự sơ thẩm sẽ được xác định khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nông Văn B không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho ông Nông Văn B số tiền 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại Biên lai thu số 01148 ngày 08/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Hà Nội;
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- TAND H. Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHADS H.Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Tòa dân sự;
HCTP; KTNV&THA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Trung Vân